

VĂN HOÁ, TRIẾT LÝ VÀ TRIẾT HỌC

LƯƠNG VIỆT HẢI(*)

Bài viết góp phần luận giải mối quan hệ giữa văn hoá, triết lý và triết học. Văn hoá là nguồn nuôi dưỡng các triết lý, các tư tưởng và hệ thống triết học, là điều kiện tất yếu cho sự tồn tại và phát triển các hệ thống triết học. Các triết lý, các hệ thống triết học lại là những bộ phận cốt lõi nhất trong nền văn hoá của một dân tộc. Xét trên nhiều khía cạnh, triết lý luôn ở tầm thấp hơn so với các hệ thống triết học, song nó chính là chất liệu của các hệ thống triết học bác học. Theo tác giả, văn hoá, các triết lý và các hệ thống triết học chính là ba tầng bậc khác nhau của văn hoá theo nghĩa rộng.



Văn hoá theo gốc tiếng Latinh (cultura) có nghĩa là canh tác, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển, tôn trọng. Trong lịch sử, ban đầu người ta thường đồng nhất văn hoá với tất cả những gì do con người tạo ra. Văn hoá là hệ thống các nguyên tắc, cách thức, chương trình, phương thức hoạt động sống thuộc tầng trên sinh học của con người. Hệ thống ấy được hình thành và phát triển qua quá trình lịch sử và giúp cho việc duy trì và cải biến đời sống xã hội. Các chương trình, phương thức hoạt động ấy được hợp thành bởi các tri thức, chuẩn mực, thói quen, lý tưởng, cách hành động, tư tưởng, học thuyết, lòng tin, mục tiêu, định hướng giá trị... Những cái đó lại rất đa dạng, được tích lũy lâu đời, tạo thành kinh nghiệm xã hội - một yếu tố cấu thành văn hoá, được di truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác.

Văn hoá gắn liền với phương thức hoạt động sống của con người, nhờ đó mà phân biệt được sự tồn tại của con vật với cuộc sống của con người. Có nhiều nhánh quan điểm khác nhau về văn hoá, song nó luôn được xem như quá trình phát triển lý trí và các hình thức sống có lý trí của con người, trái ngược với tính chất hoang dại và man rợ ở thời kỳ tiền sử. Văn hoá là đời sống tinh thần của con người được duy trì và phát triển trong tiến trình lịch sử, là sự tiến hóa của ý thức đạo đức, luân lý, tôn

giáo, triết học, khoa học, pháp luật và ý thức chính trị, thúc đẩy sự tiến bộ của nhân loại. Mặt khác, người ta cũng xem văn hoá như những điểm đặc thù của một xã hội. Văn hoá là hệ thống các giá trị và tư tưởng quy định kiểu tổ chức xã hội ở những thời kỳ lịch sử khác nhau. Các hệ thống đó là khác nhau và tương đối độc lập với nhau, trong chúng bao gồm toàn bộ tài sản văn hoá vật chất, tập quán chủng tộc, các dạng ngôn ngữ và các hệ thống biểu trưng khác.

Văn hoá chỉ là tính tích cực của con người trong hành vi, hoạt động và giao tiếp, nhằm tạo ra một thế giới mới - thế giới nhân tạo khác với giới tự nhiên. Văn hoá như là phương thức thực hiện và điều chỉnh các hoạt động của con người, là phương diện đặc biệt của đời sống xã hội. Nó tạo ra và truyền tải từ thế hệ này đến thế hệ khác các nguyên tắc, cách thức, các chương trình trên sinh học về hành vi, hoạt động và giao tiếp của con người. Như vậy, văn hoá không đồng nhất với xã hội mà chỉ là một phương diện đặc biệt của xã hội, hiện diện trong tất cả các trạng thái xã hội khác nhau và cũng không có một hiện tượng xã hội nào không chịu ảnh hưởng hoặc không mang dấu ấn của văn hoá.

Văn hoá còn được xem là hệ thống mã

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ khoa học. Phó viện trưởng Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

(code) thông tin, mã hoá các kinh nghiệm xã hội của con người. Kinh nghiệm ấy thể hiện như những chương trình trên sinh học về hành vi, hoạt động và giao tiếp. Nếu trong các hệ sinh học bao giờ cũng có những kết cấu thông tin đặc biệt để quản lý và điều chỉnh hệ thống sinh học ấy (AND, ARN), được gọi là gen, thì trong các hệ thống xã hội gen di truyền ấy là văn hoá. Các dạng hành vi, hoạt động, giao tiếp được điều chỉnh bằng các "chương trình, mã văn hoá" nhằm tái sản xuất và phát triển các yếu tố, các tiểu hệ thống xã hội và các quan hệ của chúng, các thiết chế xã hội, các loại nhân cách đặc trưng cho xã hội đó. Điều đó tương tự như mã di truyền sinh học điều khiển trao đổi chất để tạo nên các tế bào và các bộ phận của cơ thể sinh vật.

Mã di truyền xã hội có chức năng chuyển tải từ người này qua người khác, từ thế hệ này qua thế hệ khác toàn bộ các kinh nghiệm xã hội. Để có thể truyền tải, bảo tồn được thì khối các kinh nghiệm đó phải được thể hiện dưới dạng các loại ký hiệu khác nhau, như âm thanh, chữ viết, tiếng nói, điệu bộ, hình ảnh... Hệ thống các ký hiệu như vậy phải rất đa dạng, phong phú mới có thể ghi nhận được khối các kinh nghiệm xã hội vốn thường xuyên được đổi mới, bổ sung và phát triển. Hệ thống ký hiệu ấy cũng là một trong những yếu tố cấu thành của văn hóa.

Trong giới tự nhiên thứ hai, các sản phẩm do con người tạo nên cũng là những ký hiệu dưới các dạng thức và ý nghĩa khác nhau. Các vật thể văn hóa vật chất đóng vai trò kép trong đời sống con người: *một mặt*, chúng phục vụ trực tiếp mục tiêu thực tiễn, cụ thể cho các nhu cầu hàng ngày của con người, như ăn, mặc, ở, đi lại... *Mặt khác*, chúng lại là phương tiện bảo tồn, chuyển giao các chương trình (programs), ý nghĩa, nội dung, phương thức điều chỉnh hoạt động, hành vi, giao tiếp. Dưới góc độ

ấy, giới tự nhiên thứ hai mang ý nghĩa và nội dung văn hóa sâu sắc.

Các thành tố văn hoá trong hệ thống chỉnh thể bao hàm và gắn kết lẫn nhau tạo nên những cái chung, những *triết lý mang tính thế giới quan*, trong đó tích trữ những kinh nghiệm xã hội đã tích lũy được. Chúng không phải là những phạm trù triết học dù chúng phản ánh hiện thực, thể hiện thành những quy tắc, chuẩn mực của hoạt động, thành những triết lý, thành các cái chung văn hoá. Các triết lý có thể hoạt động và phát triển cả ở bên ngoài các hệ thống triết học, nhưng chúng lại vốn có trong các nền văn hoá mà ở đó, chưa có những hình thức phát triển của các hệ thống triết học.

Các triết lý xuất hiện, phát triển và hoạt động trong đời sống xã hội và cá nhân, mỗi yếu tố đều hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp, liên hệ với nhau. Trong các triết lý đã có thể hiện những quan niệm khác nhau về các yếu tố cơ bản và các mặt của hoạt động sống của con người: vị trí con người, các quan hệ xã hội, đời sống tinh thần và các giá trị của cuộc sống con người. Những quan niệm ấy ẩn chứa bên trong các nội dung, chương trình, phương thức hoạt động chung của xã hội và được cụ thể hoá bằng những quan niệm cụ thể hơn, định hướng cho hoạt động của các cá nhân và cộng đồng.

Trong các triết lý mang tính thế giới quan có thể có những phương án sống và hoạt động riêng, đặc trưng cho những kiểu văn hoá khác nhau và ăn sâu trong ý thức con người. Đồng thời chúng cũng gắn liền với những nội dung, phương thức, chương trình hành động của quá khứ lẫn tương lai, thể hiện những đặc điểm của phương thức giao tiếp và hoạt động của con người, của việc bảo tồn, chuyển tải kinh nghiệm xã hội và thang bậc giá trị. Chúng mang đặc trưng dân tộc và chủng tộc trong mỗi nền văn hoá, xác định đặc điểm của các nền

văn hoá khác nhau. Ý nghĩa của những triết lý trong văn hoá sẽ được các cá nhân nhận thức và chúng sẽ xác định tầm quan niệm về thế giới, hành động và cách xử thế của các cá nhân. Ý nghĩa của những triết lý ở tầm nhóm và cá nhân sẽ được hiệu chỉnh cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của họ.

Hoạt động của các chương trình sinh học (bản năng ăn uống, tự bảo vệ, tính dục, v.v.) ở con người trải qua quá trình xã hội hoá, giáo dục, được thực hiện dưới hình thức triết lý văn hoá xác định. Rất nhiều những biểu hiện có thể có của các chương trình sinh học bị cấm do văn hoá. Văn hoá “cấm kỵ” nhiều tham vọng, ước muốn thể hiện tự do các bản năng động vật thông qua việc giáo dục, rèn luyện con người ngay từ thời thơ ấu; văn hoá bao hàm cả cái vô thức - xã hội, được di truyền giữa các thế hệ, giữa người này với người kia. Ở góc độ này, văn hoá cũng như các triết lý nói chung mang ý nghĩa và giá trị xã hội rất to lớn(1).

Tuy nhiên, mỗi dân tộc đều có nền văn hoá của riêng mình. Trong văn hoá dân tộc có những định đề, nguyên tắc, cách hành xử được thể hiện theo cách riêng. Điều đó có nghĩa là dân tộc nào cũng có những triết lý điều chỉnh cuộc sống và hoạt động của mình. Dân tộc nào cũng có nền văn hoá của mình, có những tư tưởng triết học và đặc biệt, có rất nhiều những triết lý phong phú, đa dạng. Nhưng không phải dân tộc nào cũng có các hệ thống triết học bác học, hàn lâm riêng. Các hệ thống triết học bác học, hàn lâm được các nhà tư tưởng tổng kết từ sự phát triển của khoa học, thực tiễn và lịch sử xã hội, hay nói cách khác, là sự phát triển của văn hoá dân tộc, trong đó có cả các hệ thống triết học bác học đã được xây dựng trước đó.

Văn hoá là nguồn nuôi dưỡng các hệ thống triết học, các tư tưởng triết học; là điều kiện, chất liệu và nguồn gốc cho sự

phát triển của triết học. Một dân tộc có thể không có hệ thống triết học riêng nhưng không thể không có văn hoá riêng của mình. Không có văn hoá riêng của mình, dân tộc sẽ không thể tồn tại được. Văn hoá là điều kiện cần thiết, tất yếu của sự tồn tại của mỗi dân tộc cả về phương diện đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần. Theo nghĩa đó, văn hoá cũng là điều kiện tất yếu cho sự tồn tại và phát triển của các hệ thống triết học.

Trong mỗi một nền văn hoá dân tộc bao giờ cũng bao hàm những triết lý về con người, cuộc sống, xã hội và thế giới nói chung. Nhưng đó chưa phải là hệ thống triết học. Những cái chung, những triết lý đó có thể rời rạc, tản mạn, không liên kết chặt chẽ, lôgic được với nhau, mặc dù chúng có thể là những triết lý sâu sắc. Chúng thể hiện sự suy tư, đúc kết kinh nghiệm, tri thức của con người về những mặt, những sự kiện, hiện tượng riêng lẻ trong đời sống. Chúng có thể được thể hiện bằng ca dao, tục ngữ, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, cách hành xử trong cuộc đời. Đối với người Việt Nam, “Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn” từ lâu đã là một triết lý sống, một cách hành xử trong quan hệ giữa người với người. Nhưng đó chưa phải là triết học, càng chưa phải là một hệ thống triết học.

Khác với các hệ thống triết học bác học do các nhà tư tưởng, các nhà khoa học hoàn toàn xác định tạo ra, các triết lý, thường là

(1) Xem: Lương Việt Hải. *Lý luận và thực tiễn hiện đại hóa xã hội ở các nước Đông và Đông Nam Á*, Mátxcova, 1998; L.I.Ionin. *Xã hội học văn hóa*, Mátxcova, 1996; V.X.Stepin. *Thời đại của những biến đổi và kịch bản của tương lai*. Mátxcova, 1996; *Văn hoá Bách khoa triết học mới*, Mátxcova, 2001; A. Ia.Phlier. *Di truyền văn hóa*, Mátxcova, 1995; G.F.McLean. *Tự do, truyền thống văn hóa và tiến bộ*, CRVP, 2000; Lương Đình Hải. *Toàn cầu hóa và văn hóa dân tộc*, Istanbul, 2003;...

vô danh, xuất hiện và tồn tại trong các hình thức khác nhau: ca dao, tục ngữ, trong cuộc sống thường ngày, trong kiến trúc, v.v.. Không thể xác định được chính xác thời gian ra đời của một cái chung, một triết lý cụ thể nào đó. Nhưng có thể xác định được tác giả và thời gian xuất hiện của một hệ thống triết học cụ thể. Những triết lý, những cái chung phong phú và đa dạng đó tồn tại lâu đời trong cuộc sống của mỗi cộng đồng dân tộc, nhưng chúng chỉ có thể tồn tại bên cạnh nhau, phản ánh các mặt, các quá trình cụ thể của đời sống xã hội mà không thể tạo thành một hệ thống triết học có kết cấu lôgic bên trong, như một lý thuyết hay hệ thống lí luận triết học. Chúng không thể có tính khái quát cao và tính hệ thống chặt chẽ như các hệ thống triết học bác học.

Các triết lý đó nằm ngay trong văn hoá dân tộc, chúng không tách rời mà gắn chặt với văn hoá theo cả nghĩa rộng lẫn nghĩa hẹp, trong cả văn hoá vật chất lẫn văn hoá tinh thần. Chúng hoà vào văn hoá dân tộc và là một yếu tố cấu thành căn bản có ý nghĩa quyết định chiều sâu của văn hoá dân tộc. Ở một góc độ nhất định, có thể nói, các triết lý ấy chính là lớp trầm tích cô đọng của văn hoá dân tộc. Tuy không phải là toàn bộ nền văn hoá, nhưng chúng là yếu tố cốt lõi tạo nên chất lượng của nền văn hoá, làm cho văn hoá phong phú và sâu sắc hơn.

Mặt khác, chính văn hoá dân tộc là nguồn sữa bắt tận nuôi dưỡng và phát triển các triết lý. Quy mô, cường độ và năng lực lao động của một dân tộc càng lớn, nền văn hoá càng phát triển thì càng làm cho các triết lý của họ phong phú, sâu sắc, đa dạng, toàn diện, thể hiện đời sống con người và xã hội đầy đủ hơn. Sự phát triển của văn hoá dân tộc cung cấp chất liệu cho sự xuất hiện, tồn tại và phát triển các triết lý. Theo chiều ngược lại, các triết

lý lại có tác dụng định hướng và thúc đẩy các hoạt động, hành vi và giao tiếp của con người, theo hướng có văn hoá, sáng tạo, mở rộng và phát triển văn hoá. Các triết lý là những khuôn mẫu, định hướng và do vậy, là cơ sở trực tiếp cho sự phát triển tiếp theo của văn hoá.

Chính vì vậy, các triết lý là bộ phận cấu thành cốt lõi và quan trọng của văn hoá. Hơn nữa, trong mỗi nền văn hoá dân tộc, các triết lý thường gần gũi, gắn bó trực tiếp với đời sống thường ngày của con người, nó được truyền tải thông qua giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình; được con người tiếp thu qua kinh nghiệm, học hỏi ở bạn bè... Mặt khác, các triết lý mới đạt tầm kinh nghiệm chứ chưa phải ở tầm trình độ lý luận. Do vậy, chúng dễ hiểu, dễ vận dụng, sát hợp với tâm thức, bản sắc, tính cách của cộng đồng và dễ đi sâu vào con người, dễ tiếp thu và định hướng hoạt động, giao tiếp của con người nhẹ nhàng hơn so với các nguyên lý lý luận trong các hệ thống triết học.

Thực tiễn cho thấy, mọi nền văn hoá dân tộc không thể thiếu vắng các triết lý, bởi đó chính là những định hướng hoạt động, giao tiếp và phát triển của họ. Một nền văn hoá càng phát triển thì số lượng và chiều sâu của các triết lý càng lớn. Càng gần với hiện đại thì số lượng và chiều sâu, tính đa dạng, đa diện của toàn bộ các triết lý càng lớn. Càng ngược về quá khứ xa xưa thì số lượng và chiều sâu, tính đa diện và đa dạng của tổng thể các triết lý càng nhỏ lại. Khi hệ thống các triết lý tăng thêm cả về số lượng lẫn chiều sâu thì những yếu tố khác của văn hoá dân tộc cũng phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, bởi các triết lý phát triển và mở rộng đến đâu thì chúng mở đường, tạo hướng, dựng khuôn mẫu cho các hành vi, giao tiếp và hoạt động để tạo ra những giá trị văn hoá mới, môi trường văn hoá mới, sản phẩm văn hoá mới.

Một chiều cạnh khác trong mối quan hệ văn hoá và triết học liên quan đến các triết lý trong nền văn hoá dân tộc là vai trò của các triết lý đối với các hệ thống triết học bác học. Chỉ một số dân tộc có các hệ thống triết học bác học. Các *hệ thống triết học* luôn ở tầm lý luận cao so với các triết lý trong nền văn hoá dân tộc. Chúng cũng là một bộ phận cấu thành quan trọng của văn hoá dân tộc. Có thể nói, các *học thuyết triết học bác học* là sự kết tinh cao độ ở tầm lý luận các triết lý trong văn hóa dân tộc, thể hiện thế giới quan và nhân sinh quan của dân tộc ở thời đại đó được khúc xạ qua lăng kính của các nhà triết học cụ thể. Các triết lý trong nền văn hoá dân tộc chính là những chất liệu trực tiếp để tạo nên kết cấu cho mọi yếu tố của các hệ thống triết học bác học. *Một mặt*, các triết lý có thể tham gia ít nhiều bằng nội dung kiến thức, bằng cách tư duy, suy luận... vào hệ thống triết học dưới dạng nguyên mẫu. *Mặt khác*, nhiều triết lý tham gia vào học thuyết triết học bác học một cách gián tiếp thông qua việc tác động vào tư duy, ý thức của nhà triết học trong quá trình học tập, qua kinh nghiệm cuộc sống, qua tiếp thu kinh nghiệm của người khác ngay từ khi hệ thống đó bắt đầu hình thành, phát triển và được diễn đạt thành lý luận có hệ thống.

Văn hoá dân tộc là môi trường sống, nguồn nuôi dưỡng các hệ thống triết học bác học. Các hệ thống triết học bác học là sản phẩm trước hết của nền văn hoá dân tộc, chúng được tích tụ, chưng cất và thăng hoa qua tài năng nhận thức, suy tư và bản lĩnh của các triết gia. Không chỉ chất liệu của các hệ thống triết học bác học được tích tụ và trâm lắng, tinh luyện từ văn hoá mà cả năng lực nhận thức, suy tư và bản lĩnh cùng những phẩm chất khác của các triết gia sáng tạo nên các hệ thống triết học bác học cũng đều được nẩy mầm, nuôi dưỡng trong nền văn hoá dân tộc.

Bản thân các hệ thống triết học bác học cũng là một yếu tố cấu thành cơ bản và quan trọng của văn hoá dân tộc, nếu nền văn hoá dân tộc đó có các hệ thống triết học bác học. Không thể nói rằng phải có một nền văn hoá phát triển cao mới có thể có được các hệ thống triết học bác học. Nhưng không có một nền văn hoá dân tộc phát triển đến một mức độ nhất định thì không thể có các hệ thống triết học bác học. Trong lịch sử phát triển của các dân tộc trên thế giới, từ thời cổ đại đến nay, các hệ thống triết học bác học đều được ra đời trong lòng những nền văn hoá phát triển sâu rộng và rực rỡ: Hy Lạp, La Mã cổ đại, Ấn Độ, Trung Hoa, Đức, Pháp, Anh, Nga... *Mặt khác*, cũng phải thấy một thực tế là mỗi một dân tộc đều có nền văn hoá riêng của mình bao chứa trong đó vô vàn các triết lý khác nhau.

Trong nền văn hoá dân tộc, các triết lý là nguồn dinh dưỡng trực tiếp của các hệ thống triết học bác học, bởi chúng đã được chưng cất, gạn lọc, tồn tại dưới dạng những tri thức khái quát, những định hướng cho các hành vi, hoạt động và giao tiếp của con người. Một nền văn hoá chưa phát triển đến mức có những triết lý thì chưa thể có được các hệ thống triết học bác học. Các yếu tố khác của nền văn hoá cũng có thể trực tiếp hoặc gián tiếp tác động vào sự hình thành và phát triển của *tư duy triết học*, và các *tư tưởng triết học*, các hệ thống triết học bác học. Nhưng tác động thông qua các triết lý là tác động cơ bản và quan trọng nhất. Giống như các tác phẩm văn học bác học, các hệ thống triết học bác học cũng được nuôi dưỡng từ chính nền văn hoá dân tộc.

Trên thực tế, không có sự tách rời giữa văn hoá dân tộc và toàn bộ các triết lý của dân tộc tồn tại trong nền văn hoá đó. Các hệ thống triết học bác học cũng vậy, nhưng điểm khác với hệ thống triết lý là chúng thuộc một tầng bậc cao hơn về mức độ khái

quát; về lập luận lôgic và về tính hệ thống. Các triết lý đơn lẻ thường không dựa trên lập luận lôgic, mức độ khái quát thấp; do đó, tính hệ thống của chúng không cao như trong các hệ thống triết học bác học. Là kết quả của sự tổng kết, khái quát thành tựu phát triển của khoa học, của đời sống xã hội, của kinh nghiệm lịch sử và cá nhân, nói cách khác, là sự khái quát, tổng kết các bước phát triển của văn hoá; do đó, tính khái quát của các hệ thống triết học bác học cao hơn các triết lý và văn hoá nói chung. Các triết lý thường phản ánh các kinh nghiệm, sự việc, hành động đơn lẻ, tản mạn, rời rạc, không thể hiện được những quy luật chung hoặc bản chất sâu xa của hiện tượng, quá trình. Bởi vậy, nó không thể mang tính hệ thống, tính lập luận. Nhưng nó lại là chất liệu quan trọng cho các hệ thống triết học bác học, là khâu trung gian không thể thiếu giữa các yếu tố, bộ phận, tầng bậc khác của văn hoá với các hệ thống triết học của dân tộc đó. Cả hai dạng đặc biệt này (triết học và triết lý) trong văn hoá dân tộc bổ sung lẫn nhau tạo thành thế giới quan, nhân sinh quan chung của dân tộc đó, có tác dụng định hướng cho con người trong giao tiếp và hoạt động thực tiễn.

Cùng với sự phát triển của văn hoá và đời sống dân tộc, các triết lý cũng như triết học biến đổi không ngừng. Có những triết lý sẽ mất tác dụng và bị quên lãng, có những triết lý mới nảy sinh phản ánh những hiện tượng, sự vật, quá trình mới, cũng như có hệ thống triết học sẽ đi dần vào quên lãng. Những hệ thống triết học mới đáp ứng tốt hơn những đòi hỏi của đời sống xã hội sẽ ra đời và phát triển. Những người của thời đại nguyên thủy hoặc thời đại nô lệ có những triết lý mà ngày nay con người hiện đại không có. Ngược lại, những người hiện đại đang có những triết lý mà người cổ đại không thể có. Chắc chắn là người nguyên thủy không nói “quý như

vàng”, một triết lý mà người hiện đại vẫn thường dùng. Tình hình cũng tương tự như vậy trong các hệ thống triết học bác học. Những hệ thống triết học mới của thời đại sau bao giờ cũng kế thừa các triết lý, tư tưởng, lập luận, thành tựu của các hệ thống triết học trước đó, cải biến chúng cho phù hợp với hệ thống triết học mới, thu nhận các triết lý mới và những yếu tố mới khác của nền văn hoá.

Triết học mới ra đời lại bổ sung, khắc phục những thiếu sót nhất định của văn hoá dân tộc thúc đẩy nó phát triển lên một trình độ cao hơn. *Triết học* vừa thể hiện sự phản tư của văn hoá dân tộc, vừa là một mặt cơ bản, một khu vực trọng yếu của văn hoá dân tộc. Triết học chính là văn hoá dân tộc ở tầm lý luận cao nhất, là sự khái quát các thành tựu của văn hoá trong các lĩnh vực khác nhau từ khoa học đến thực tiễn, từ tri thức đến kinh nghiệm sống, từ quá khứ lịch sử đến hiện tại và tương lai. Chính vì vậy, triết học có tác dụng định hướng thế giới quan cho sự phát triển tiếp theo của văn hoá dân tộc, chỉ đạo hành vi, hoạt động và giao tiếp của con người trong sáng tạo văn hoá mới, trong tiếp nhận và hưởng thụ các thành tựu văn hoá nói chung.

Triết học muốn đạt đến đỉnh cao lý luận thì phải tổng kết và khái quát được sự phát triển của toàn bộ các lĩnh vực văn hoá. Điều đó đòi hỏi các nhà triết học phải có nhãn quan văn hoá rộng lớn, sự hiểu biết rộng và sâu sắc các lĩnh vực khác nhau của đời sống văn hoá dân tộc. Triết học càng đứng ở đỉnh cao lý luận, phạm vi và mức độ khái quát, tổng kết càng sâu sắc sẽ càng có tác dụng định hướng lớn cho nhiều lĩnh vực khác nhau của văn hoá. Sự tác động định hướng này có thể thông qua con đường trực tiếp bằng cách tiếp nhận các tri thức lý luận triết học, có thể bằng con đường gián tiếp, thông qua việc tiếp nhận các triết lý nằm trong chính hệ thống triết học hoặc

được triết học cải biến, chỉnh sửa, chính xác hoá trong quá trình phát sinh và tồn tại. Mỗi con người sống, hoạt động và giao tiếp luôn được chỉ đạo bởi một số lý luận triết học và triết lý xác định.

Trong ý thức và cuộc sống của mỗi người, dù tự giác hoặc không tự giác thì họ vẫn bị các triết lý và triết học chi phối. Toàn bộ văn hoá, trong đó cốt lõi là các triết lý và triết học tạo thành khung mẫu, chuẩn mực, giá trị, thước đo, định hướng của các hành vi, hoạt động và giao tiếp của con người. Trong quan hệ với văn hoá, toàn bộ các triết lý và triết học lại tạo thành một hệ thống khung mẫu, chuẩn mực, giá trị, thước đo, định hướng, cơ sở, nền tảng cho sự sáng tạo, tiếp nhận và hưởng thụ văn hoá của con người. Mặt khác, đời sống văn hoá trong quá trình phát triển lại góp phần làm bộc lộ những hạn chế, thiếu sót, sai lầm của các triết lý và hệ thống triết học; từ đó, hoàn thiện, sửa chữa hoặc loại bỏ chúng ra khỏi ý thức và cuộc sống của con người.

Tuy nhiên, trong quá trình tồn tại và phát triển, các triết lý và hệ thống triết học khi tạo thành khung mẫu, chuẩn mực, giá trị, thước đo, định hướng cho văn hoá thì chúng lại có thể trở ngại, kìm hãm sự phát triển của văn hoá, đặc biệt là kìm hãm tư duy và năng lực sáng tạo văn hoá của con người. Các triết lý, hệ thống triết học đã lạc hậu, lỗi thời, hoặc có sai lầm thường bắt đầu có tác dụng ngược bằng việc thể hiện những mâu thuẫn của chúng với các triết lý, hệ thống triết học và với văn hoá nói chung, thậm chí giữa chúng với văn hoá sẽ bắt đầu một thời kỳ xung đột. Trong quá trình xung đột văn hoá dần dần thể hiện nhu cầu đổi mới, thay thế các triết lý và triết học cũ bằng các triết lý và triết học mới. Đồng thời văn hoá sẽ tạo ra, bồi đắp và tích tụ dần các chất liệu cho sự ra đời các triết lý mới hoặc hệ thống triết học mới.

Sự xung đột giữa triết học và văn hoá dần tạo nên những tiền đề văn hoá cho việc giải quyết cuộc xung đột ấy và sau đó là các phương tiện giúp cho việc giải quyết xung đột. Văn hoá sẽ tiến triển từng bước, giải quyết dần các vấn đề đơn lẻ, nhỏ bé và tiến tới những vấn đề lớn hơn, tạo ra những chất liệu văn hóa mới, đáp ứng những đòi hỏi mới của sự phát triển, bổ sung vào kho tàng văn hóa dân tộc những kiến thức mới, những triết lý mới, những giá trị văn hóa mới. Trên cơ sở tích tụ đó, văn hóa đẩy triết học làm nên những đột phá mới, tạo ra các hệ thống triết học mới hơn, phù hợp hơn với sự phát triển. Văn hóa tham gia sàng lọc, gạt bỏ, bảo tồn, phát huy và chuyển tải các giá trị của triết học cũ vào triết học mới.

Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, đồng thời cũng là nền tảng tinh thần của triết học. Văn hoá, theo nghĩa rộng, là nền tảng của sự sinh tồn của loài người, đồng thời cũng là nền tảng quyết định sự ra đời, tồn tại, phát triển và diệt vong của các hệ thống triết học. Văn hoá dù theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp đều là động lực của sự phát triển xã hội, trong đó có sự phát triển của triết học. Các dân tộc có thể vay mượn các hệ thống triết học nhưng không thể vay mượn các triết lý và càng không thể vay mượn nền văn hoá nói chung. Việc du nhập, vay mượn, cải biến, tiếp nhận các hệ thống triết học từ bên ngoài cũng bị quy định bởi văn hóa dân tộc nói chung và tổng thể các triết lý nói riêng.

Không hoàn toàn đồng nhất, nhưng cũng có thể hình dung rằng triết học là ánh hào quang rực rỡ của quả cầu lửa văn hóa. Quả cầu ấy càng lớn, càng sáng thì ánh hào quang càng rực rỡ, càng tỏa xa. Văn hóa, các triết lý và các hệ thống triết học là ba tầng bậc khác nhau của văn hóa, đó chính là "ba trong một" – một nền văn hóa theo nghĩa rộng. □